

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST

Ngày: 29-3-2022

*“V/v tranh chấp dân sự về hợp  
đồng tín dụng (vay tài sản)”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI,  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Phường**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trần Văn Truệ**.

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Nguyên**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Hồ Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:** Ông **Ngô Thanh Toàn** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 352/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng (vay tài sản)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: **Ngân Hàng TMCP Q;**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hàn Ngọc V**, Chức vụ: Tổng giám đốc;

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S – 111A P, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tiến T**, ông **Nguyễn Hữu Q** và ông **Hà Văn C**, Chức vụ: Cán bộ ngân hàng. Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P, số 26 Ung Văn K, phường 25, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Theo văn bản ủy quyền ngày 17/02/2022.

2. Bị đơn:

Anh **Nguyễn Thanh Tuấn E**, sinh năm 1993;

Chị **Nguyễn Thị Kiều N**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Số 10/D đường P, khóm 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*(Ông Q có mặt, anh E và chị N vắng mặt không có lý do)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Hữu Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q trình bày:*

Ngân hàng TMCP Q (Gọi tắt: Ngân hàng) – Chi nhánh Thành Đô – PGD Cách Mạng Tháng 8 có ký với anh E và chị N hợp đồng tín dụng số 0944.18.805.HĐTD ngày 28/6/2018 với nội dung: Ngân hàng cho anh E và chị N vay số tiền 400.000.000 đồng; Mục đích vay mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại xe VIOS, biển kiểm soát 66A-069.14; Thời hạn vay 84 tháng, từ ngày 30/6/2018 đến ngày 29/6/2025; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 8,99%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi (So với lãi suất là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3,79%/năm) và chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,09%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc hàng tháng vào ngày 25 (Mỗi tháng trả 4.765.000 đồng, tháng cuối cùng trả 4.505.000 đồng), trả lãi hàng tháng vào ngày 25, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 25/7/2018; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngân hàng đã giải ngân cho anh E và chị N xong theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 0944.18.805.KUNN ngày 29/6/2018 với số tiền 400.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh E và chị N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Ngân hàng đã chuyển khoản vay trên thành nợ quá hạn từ ngày 26/6/2020. Đồng thời, tính đến ngày 29/3/2022 anh E và chị N đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 95.345.000 đồng và lãi là 61.127.417 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 304.700.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.563.906 đồng và nợ lãi quá hạn là 103.623.628 đồng.

Theo như đơn khởi kiện thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh E và chị N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay 01 lần toàn bộ nợ gốc là 304.700.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 29/3/2022 là 110.187.534 đồng (Trong đó nợ lãi trong hạn là 6.563.906 đồng và nợ lãi quá hạn là 103.623.628 đồng). Ngoài ra, yêu cầu tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 30/3/2022 cho đến khi anh E và chị N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm thì phía Ngân hàng xin thay đổi yêu cầu là nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh E và chị N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc là 304.700.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 29/3/2022 là 110.187.534 đồng (Trong đó nợ lãi trong hạn là 6.563.906 đồng và nợ lãi quá hạn là 103.623.628 đồng). Ngoài ra, yêu cầu tiếp tục tính phát sinh từ ngày 30/3/2022 theo lãi suất như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0944.18.805.HĐTN ngày 28/6/2018 cho đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Đối với các yêu cầu còn lại như

theo đơn khởi kiện thì nay Ngân hàng xin rút lại toàn bộ các yêu cầu này và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, Ngân hàng không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

\* Bị đơn là anh E và chị N mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập họp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

*\* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười:*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạm vi trong hợp đồng vay tài sản, lãi suất trung bình trên thị trường, quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13, Điều 18, Điều 20, Điều 25 của Thông tư 39/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc anh E và chị N phải có nghĩa vụ trả số tiền vay là 414.887.534 đồng, gồm: Nợ gốc là 304.700.000 đồng, nợ lãi trong hạn 6.563.906 đồng, lãi quá hạn 103.623.628 đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày 30/3/2022 đến khi bị đơn thanh toán xong nợ.

*\* Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

- + Hợp đồng tín dụng (bản sao);
- + Đơn đề nghị giải ngân, kiêm khế ước nhận nợ (bản sao);
- + Giấy chứng minh nhân dân (bản photo);
- + Căn cước công dân (bản sao);
- + Văn bản ủy quyền (bản sao);
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (bản sao);
- + Quyết định tiếp nhận chính thức đối với bà Hà (bản sao);
- + Bản điều lệ Ngân hàng (bản sao);
- + Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản photo);
- + Bảng kê tính lãi.

- Bị đơn không có nộp tài liệu, chứng cứ gì.

*\* Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do Tòa án thu thập gồm:*

- Xác nhận của Công an thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười.

Các tài liệu trong hồ sơ đã được công khai theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 23 tháng 12 năm 2021.

*\* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:* Không.

*\* Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh E và chị N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc là 304.700.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 29/3/2022 là 110.187.534 đồng (Trong đó nợ lãi trong hạn là 6.563.906 đồng và nợ lãi quá hạn là 103.623.628 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính phát sinh từ ngày 30/3/2022 theo lãi suất như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0944.18.805.HĐTN ngày 28/6/2018 cho đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng (vay tài sản) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại khóm 4, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh E và chị N mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh E và chị N.

Theo văn bản ủy quyền ngày 18/5/2021 thì phía nguyên đơn ủy quyền cho các ông Diệp Hoàng A, ông Nguyễn Trường T và ông Hà Văn C. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử thì phía nguyên đơn có nộp văn bản ủy quyền mới ngày 17/02/2022 thay cho văn bản ủy quyền ngày 18/5/2021. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/3/2022, ông Nguyễn Hữu Quý xác định phía nguyên đơn đã hủy văn bản ủy quyền ngày 18/5/2021 và thay thế bằng bản ủy quyền mới ngày 17/02/2022. Theo đó, ông Quý là người đại diện theo ủy quyền mới của nguyên đơn để tham gia vụ án này. Xét việc thay đổi trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2022/QĐST-DS ngày 08/3/2022 của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Nguyễn Văn Ánh và bà Huỳnh Thị Kim Thơ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Ánh và bà Thơ

bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng ông Trần Văn Truyền và bà Nguyễn Thị Hồng Nguyên là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Dương sự có mặt, Kiểm sát viên thống nhất đồng ý việc thay đổi này và không yêu cầu thay đổi ai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là Chi nhánh Thành Đô – PGD Cách Mạng Tháng 8 của nguyên đơn có ký với anh E và chị N hợp đồng tín dụng số 0944.18.805.HĐTD ngày 28/6/2018 với nội dung: Nguyên đơn cho anh E và chị N vay số tiền 400.000.000 đồng; Mục đích vay mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại xe VIOS, biển kiểm soát 66A-069.14; Thời hạn vay 84 tháng, từ ngày 30/6/2018 đến ngày 29/6/2025; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 8,99%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi (So với lãi suất là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3,79%/năm) và chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,09%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc hàng tháng vào ngày 25 (Mỗi tháng trả 4.765.000 đồng, tháng cuối cùng trả 4.505.000 đồng), trả lãi hàng tháng vào ngày 25, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 25/7/2018; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi, đến nay mặc dù hợp đồng chưa hết hạn nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng trên thì phía anh E và chị N không trả vốn, lãi hàng tháng đầy đủ cho nguyên đơn là đã vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết và dư nợ gồm: Nợ vay vốn là 304.700.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 29/3/2022 là 110.187.534 đồng (Trong đó nợ lãi trong hạn là 6.563.906 đồng và nợ lãi quá hạn là 103.623.628 đồng). Phía anh E và chị N đến nay đã chưa trả nợ vốn và lãi cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Đối với anh E và chị N đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến đồng ý hay phản đối gì đối với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là đối với khoản vay trên thì anh E và chị N không có thể chấp tài sản gì để đảm bảo khoản vay, phía nguyên đơn hiện nay chỉ đang giữ bản chính giấy đăng ký xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại xe VIOS, biển kiểm soát 66A-069.14, còn chiếc xe thì phía anh E và chị N vẫn đang quản lý và sử dụng. Nguyên đơn đồng ý trả lại giấy đăng ký xe ô tô trên cho anh E và chị N khi anh E và chị N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên. Đối với vụ án này nguyên đơn không yêu

cầu Tòa án giải quyết và tính đến nay phía bị đơn cũng không có yêu cầu gì đối với vấn đề trên. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[6] Tại phiên không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm thì đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[7] Về án phí:

- Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bị đơn phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

Buộc anh Nguyễn Thanh Tuấn E và chị Nguyễn Thị Kiều N phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền còn nợ vay vốn là 304.700.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 29/3/2022 là 110.187.534 đồng; Tổng cộng: 414.887.534 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi bốn đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/3/2022 theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng số 0944.18.805.HĐTN ngày 28/6/2018 cho đến khi trả xong nợ.

2. Về án phí:

Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q 8.930.000 đồng (Tám triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0001511, ngày 15/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Thanh Tuấn E và chị Nguyễn Thị Kiều N phải liên đới chịu 20.595.500 đồng (Hai mươi triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương

sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKS huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (ML).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Phường**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Truyện-Nguyễn Thị Hồng Nguyên      Nguyễn Minh Phường**







